

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2019

Về việc “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga.

2. Ông Đặng Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Lực – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị N, sinh năm: 1986; địa chỉ: Khu x, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Vũ Thành C, sinh năm: 1980; địa chỉ: Số xx đường T (số cũ xxxx), tổ y, khu phố z, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Đoàn Thị N trình bày:

Bà N và ông C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã Bà Rịa (nay là phường P, thành phố B), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 18/10/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại địa chỉ số xxxx, tổ y, khu phố z, phường L, thị xã B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông C không quan tâm lo lắng cho gia đình, vợ

con, vợ chồng không tâm đầu ý hợp, tính cách khác nhau, không cùng quan điểm sống dẫn đến bất hòa. Từ năm 2010 cho đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có một con chung là cháu Vũ Thành Đ, sinh ngày 08/11/2005, bà N có nguyện vọng giao con cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng và bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ở xa đi lại khó khăn và không sắp xếp được công việc nên bà N xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Theo Biên bản lấy lời khai bị đơn ông Vũ Thành C trình bày:

Về quá trình chung sống và đăng ký kết hôn đúng như bà N trình bày. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không đồng cảm với nhau. Năm 2010, bà N bỏ về quê sinh sống cho đến nay trong thời gian này vợ chồng không tìm cách để hàn gắn tình cảm mà để mặc cho mâu thuẫn đến đâu thì đến, tháng 5 hay tháng 6/2019, bà N có vào thăm con và đặt vấn đề ly hôn với ông C. Do vợ chồng đã có một thời gian dài sống ly thân nhưng không hàn gắn được tình cảm nên ông C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Vũ Thành Đ, sinh ngày 08/11/2005, hiện nay đang ở với ông C và cùng với ông bà nội, do bà N đã một thời gian dài không quan tâm gì đến con nên ông C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc không thể tham gia các buổi làm việc theo yêu cầu của Tòa án nên đề nghị giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N

về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với ông C. Giao cháu Đạt cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện bà N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông C được xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà N và ông C vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà N về việc xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với ông C, thì thấy:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L nay là phường P cấp giấy chứng nhận kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông C, bà N thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Năm 2010, bà N về Quảng Ninh sinh sống và giao cháu Đạt cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng và sống ly thân cho đến nay. Ông C và bà N cho rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn. Xét thấy, ông C và bà N đã có một thời gian dài sống ly thân nhưng không hàn gắn được cho thấy mâu thuẫn là có thật, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông C.

[6] Về con chung: Theo nguyện vọng của cháu Vũ Thành Đ là được ở với cha, ông C yêu cầu được nuôi con chung và bà N cũng đồng ý nên giao cho ông C nuôi dưỡng là phù hợp. Việc ông C không yêu cầu bà N cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bà N là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với ông Vũ Thành C.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị N được ly hôn với ông Vũ Thành C.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Thành Đ, sinh ngày 08/11/2005 cho ông Vũ Thành C nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); ghi nhận sự tự nguyện của ông Vũ Thành C về việc không yêu cầu bà Đoàn Thị N cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đoàn Thị N phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0008724 ngày 11/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- UBND phường P,
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Đức